

Số: 834 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 30 tháng 3 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước;*

*Căn cứ Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;*

*Căn cứ Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh về triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định tại Tờ trình số 428/TTr-HĐTD ngày 29/3/2021.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh (kèm theo phụ lục).

**Điều 2.** Căn cứ kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2020:

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm, có giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2021; đồng thời, đây là cơ sở để đánh giá năng lực chỉ đạo, điều hành và trách nhiệm của



người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp và là một trong những tiêu chí đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng.

2. Giao Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh đánh giá, xếp loại chất lượng người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ban TĐKT tỉnh;
- LĐVP, PNC;
- Sở Nội vụ (03 bản);
- Lưu: VT, (T36).

**CHỦ TỊCH**  
  
**Trần Tuệ Hiền**

**Phụ lục 1**

**Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 834 /QĐ-UBND ngày 30 / 3 /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng điểm 2019	Tổng điểm 2020	Chỉ số CCHC 2020 (%)	Xếp loại
1	Sở Xây dựng	92.09	98.98	98.98	Tốt
2	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	94.38	96.86	96.86	Tốt
3	Sở Nội vụ	90.89	96.43	96.43	Tốt
4	Sở Công Thương	91.07	96.42	96.42	Tốt
5	Sở Giao thông vận tải	89.28	94.90	94.90	Tốt
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	91.83	93.88	93.88	Tốt
7	Sở Ngoại vụ	92.85	93.39	93.39	Tốt
8	Sở Khoa học và Công nghệ	90.05	92.86	92.86	Tốt
9	Sở Thông tin và Truyền thông	89.54	92.41	92.41	Tốt
11	Văn phòng UBND tỉnh	91.83	92.35	92.35	Tốt
10	Sở Tư pháp	88.26	91.52	91.52	Tốt
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	81.63	91.33	91.33	Tốt
13	Sở Tài chính	91.20	91.16	91.16	Tốt
14	Sở Lao động - TB&XH	91.07	88.39	88.39	Khá
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	83.67	88.01	88.01	Khá
16	Ban Dân tộc	86.47	87.50	87.50	Khá
17	Ban Quản lý Khu kinh tế	85.96	84.67	84.67	Khá
18	Sở Nông nghiệp và PTNT	83.41	84.04	84.04	Khá
19	Sở Y tế	80.04	79.26	79.26	Trung bình
20	Thanh tra tỉnh	83.67	70.66	70.66	Trung bình



**Phụ lục 2**

**Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của UBND các huyện, thị xã, thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 834 /QĐ-UBND ngày 30 / 3 /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng điểm 2019	Tổng điểm 2020	Chỉ số CCHC 2020 (%)	Xếp loại
1	Thành phố Đồng Xoài	87.25	90.61	90.61	Tốt
2	Huyện Bù Gia Mập	83.16	89.34	89.34	Khá
3	Huyện Phú Riềng	84.69	89.04	89.04	Khá
4	Huyện Chơn Thành	84.94	88.90	88.90	Khá
5	Thị xã Bình Long	79.08	87.58	87.58	Khá
6	Huyện Lộc Ninh	85.20	87.36	87.36	Khá
7	Huyện Bù Đăng	77.55	86.59	86.59	Khá
8	Huyện Hớn Quản	83.41	84.31	84.31	Khá
9	Huyện Bù Đốp	81.37	80.69	80.69	Khá
10	Huyện Đồng Phú	81.88	80.50	80.50	Khá
11	Thị xã Phước Long	80.10	80.25	80.25	Khá